Cơ quan: Ủy ban Nhân dân thành phố Cà Mau
Email: ubndtpcm@camau.gov.vn
Thời gian ký: 18.10.2021 16:37:35 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ CÀ MAU | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 735 /BC-UBND | *TP. Cà Mau, ngày 18 tháng 10 năm 2021* |

# BÁO CÁO
## Giám sát việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-ĐGS ngày 14/9/2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Giám sát việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo như sau:

### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ NGÂN SÁCH

#### 1. Tình hình triển khai

Thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2019 thành phố Cà Mau luôn đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau. Ngay từ tháng 11 hàng năm, trên cơ sở ước thực hiện dự toán năm trước, các định mức theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND thành phố chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố phối hợp với Chi Cục thuế và các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND thành phố quyết nghị.

#### 2. Tình hình thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên

Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao hằng năm, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước (NSNN), đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ. Đồng thời, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, điều chỉnh giá phí,... và thời gian phân bổ đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Kinh phí UBND tỉnh: Năm 2019, phân bổ là 399,844 tỷ đồng, bổ sung trong năm là 48,717 tỷ đồng; Năm 2020, phân bổ là 440,253 tỷ đồng, tăng 10,11% so với năm 2019, bổ sung trong năm là 57,117 tỷ đồng; Năm 2021, phân bổ là 438,945 tỷ đồng, giảm 0,30% so với năm 2020, bổ sung trong năm (tính đến 6 tháng đầu năm) là 60,607 tỷ đồng.

- Kinh phí thành phố: Năm 2019, phân bổ là 396,474 tỷ đồng, bổ sung trong năm là 88,745 tỷ đồng, số chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 2,137 tỷ đồng; Năm 2020, phân bổ là 417,782 tỷ đồng, tăng 5,30% so với năm 2019, bổ sung trong năm là 68,508 tỷ đồng, số chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 6,509 tỷ đồng; Năm 2021, phân bổ là 417,582 tỷ đồng, giảm 0,05% so với năm 2020, bổ sung trong năm (tính đến 6 tháng đầu năm) là 144,988 tỷ đồng, số chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 4,298 tỷ đồng;

Việc điều hành, bố trí nguồn dự phòng ngân sách và các khoản kinh phí do UBND tỉnh phân bổ bằng 2% của tổng chi cân đối ngân sách cấp thành phố (sau khi loại trừ các khoản chi nhiệm vụ mục tiêu và chi từ ghi thu, ghi chi) để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Ngân sách Nhà nước.

*(Kèm theo phụ biểu số 01)*

**3. Tình hình mua sắm tài sản phục vụ hoạt động chi thường xuyên**

Việc bố trí dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện mua sắm tài sản theo đúng quy định, bao gồm mua sắm tài sản theo phương thức tập trung. Tuy nhiên, việc mua sắm tập trung thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ còn nhiều bất cập đối với những đơn vị có đặc thù như sử dụng máy theo dõi các quy hoạch trên địa bàn thành phố Cà Mau thì tiêu chuẩn cấu hình máy không đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn.

**4. Tình hình thực hiện các hoạt động chi thường xuyên mang tính chất đầu tư**

Việc hướng dẫn, lập dự toán, hồ sơ dự án, hạng mục có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp: Ngay từ đầu năm phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn quy định, đảm bảo tỷ lệ theo hướng dẫn đối với một số khoản cụ thể như kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo, kinh phí kinh tế…đủ trình tự thủ tục quy định đối với dự án trên 500 triệu đồng và dưới năm 500 triệu đồng.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi: Danh mục dự án, hạng mục cụ thể; Nguồn vốn, kinh phí đã phân bổ đúng quy định; Tỷ lệ giải ngân so với dự toán đến nay đạt khoảng 82%; ngoài ra hồ sơ danh mục công trình có tổng mức đầu tư trên 500 triệu Kho bạc chi theo đầu tư xây dựng cơ bản nên mất nhiều thời gian để xử lý.

**5. Tình hình thực hiện kinh phí chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, theo từng cấp ngân sách**

a) Tổng số nguồn sự nghiệp đã được bố trí, sử dụng so với tổng chi thường xuyên của đơn vị, địa phương, của từng cấp ngân sách, như sau:

- Năm 2019: Tổng nguồn sự nghiệp cấp tỉnh đã được bố trí là 448,561 tỷ đồng, đã sử dụng 448,561 tỷ đồng chiếm 78,73% so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ cho ngân sách thành phố. Tổng nguồn sự nghiệp cấp thành phố đã bố trí là 487,356 tỷ đồng (bao gồm ngân sách tỉnh là 448,561 tỷ đồng), đã sử dụng 487,356 tỷ đồng chiếm 84,82% so với tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố.

- Năm 2020: Tổng nguồn sự nghiệp cấp tỉnh đã được bố trí là 497,370 tỷ đồng, đã sử dụng 497,370 tỷ đồng chiếm 81,04% so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ cho ngân sách thành phố. Tổng nguồn sự nghiệp cấp thành phố đã bố trí là 492,815 tỷ đồng (bao gồm ngân sách tỉnh là 497,370 tỷ đồng), đã sử dụng 441,383 tỷ đồng chiếm 71,92% so với tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố.

- 6 tháng đầu năm 2021: Tổng nguồn sự nghiệp cấp tỉnh đã được bố trí là 499,552 tỷ đồng, đã sử dụng 499,552 tỷ đồng chiếm 81,33% so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ cho ngân sách thành phố. Tổng nguồn sự nghiệp cấp thành phố đã bố trí là 566,868 tỷ đồng (bao gồm ngân sách tỉnh là 499,552 tỷ đồng), đã sử dụng 319,789 tỷ đồng chiếm 52,06% so với tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố.

b) Ngân sách thành phố tăng chi cho sự nghiệp ở các lĩnh vực:

- Năm 2019: Tăng chi cho sự nghiệp ở các lĩnh vực: Chi Văn hóa - Thông tin tăng 7,243 tỷ đồng; Phát thanh - Truyền thanh - Thông tin tăng 584 triệu đồng; Thể dục - Thể thao tăng 263 triệu đồng; các hoạt động kinh tế khác tăng 19,529 tỷ đồng.

- Năm 2020: Chi Văn hóa - Thông tin tăng 5,789 tỷ đồng.

- 6 tháng đầu năm 2021: Chi bảo vệ môi trường tăng 26,152 tỷ đồng.

*(Kèm theo phụ biểu số 02)*

**6. Đánh giá khái quát về tình hình phân bổ nguồn vốn thời gian qua có đảm bảo tiêu chí, định mức, thứ tự ưu tiên theo quy định; công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn của các đơn vị thụ hưởng; chất lượng, hiệu quả đầu tư:**

a) Đánh giá khái quát về tình hình phân bổ nguồn vốn

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, mà trực tiếp về công tác chuyên môn là Sở Tài chính các Sở ngành có liên quan và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị, nên công tác phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị thụ hưởng trên địa bàn thành phố được thực hiện đúng thời gian quy định, đúng định mức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ chi theo phân cấp, đảm bảo các chế độ chi cho con người và các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo được tính công khai, minh bạch trong phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; đồng thời đối với nguồn vốn tỉnh bổ sung hằng năm từ nguồn sự nghiệp kinh tế, theo đó thành phố thực hiện phân bổ chi tiết cho từng dự án, công trình theo đúng mục tiêu, định mức và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác tài chính.

Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm, không chi phát sinh ngoài dự toán (trừ những trường hợp đặc biệt, bức xúc, cấp bách); trong quá trình điều hành ngân sách, thành phố tập trung công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm; thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình sử

dụng nguồn sự nghiệp kinh tế để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đơn vị, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, phát huy hiệu quả trong đầu tư công.

b) Về quản lý, sử dụng, thanh toán các nguồn vốn sự nghiệp

Hàng năm, căn cứ vào số kinh phí giao đầu năm và nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu từ nguồn sự nghiệp kinh tế, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát lập danh mục, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất thực hiện; đồng thời chỉ đạo các đơn vị chủ trì thực hiện các công trình quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp đúng theo Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (thay thế một phần Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011).

Bên cạnh đó, thành phố chủ động chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra giám sát các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, kiểm tra việc tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn, tình hình thanh toán, giải ngân để có giải pháp xử lý điều chỉnh hoặc bổ sung danh mục công trình, đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn được giao, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

**7. Những khó khăn, hạn chế trong việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí nêu trên. Trong đó, cần chú ý báo cáo những khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện định mức, thời gian, phương pháp phân bổ; về thẩm quyền, phân cấp; về công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai, thực hiện nguồn kinh phí; về giải ngân, quyết toán, chuyển nguồn (nếu có):**

- Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin: Định mức tỉnh giao cho thành phố là 1,445 tỷ đồng/năm là quá thấp, bình quân chi cho con người là 1,18 tỷ đồng, còn lại hoạt động (Văn phòng phẩm, điện thoại, điện, nước, hoạt động khác,…) là 265 triệu/năm. Hàng năm, thành phố thiếu hụt khoản kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền các ngày tết, lễ lớn, các sự kiện của tỉnh, thành phố trên 02 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: Định mức tỉnh giao cho thành phố là 935 triệu đồng/năm là quá thấp, bình quân chi cho con người là 650 triệu đồng, còn lại hoạt động (Văn phòng phẩm, điện thoại, điện, nước, hoạt động khác,…) là 285 triệu/ năm. Hàng năm, thành phố thiếu hụt khoản kinh phí tham gia các giải thể thao chào mừng các ngày lễ lớn trong năm trên 500 triệu đồng, kinh phí Đại hội Thể dục thể thao cấp thành phố và cấp tỉnh trên 01 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp Truyền thanh: Định mức tỉnh giao cho thành phố là 1,02 tỷ đồng/năm là quá thấp, bình quân chi cho con người là 1,45 tỷ đồng, không còn kinh phí hoạt động (Văn phòng phẩm, điện thoại, điện, nước, hoạt động khác,…). Hàng năm, thành phố phải bố trí kinh phí chi thêm tiền lương và kinh phí

hoạt động hành chính phục vụ cho công tác truyền thanh - truyền hình thành phố trên 800 triệu đồng.

- Tại điểm a, b, khoản 2, 3 Điều 4 của Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, phân bổ cấp huyện bằng 5% chi thường xuyên và bằng 4% chi thường xuyên của cấp xã là chưa đảm bảo, cụ thể như sau:

** Năm 2019:*

*+ Tổng nguồn là 50,17 tỷ đồng, bao gồm: dự toán được phân bổ 5% cấp thành phố: 16,8 tỷ đồng, đô thị loại 2: 46,5 tỷ đồng, giảm trừ -13,145 tỷ đồng.*

*+ Tổng nhu cầu là 88 tỷ đồng, bao gồm: Duy tu, sửa chữa lộ, vỉa hè,...: 30 tỷ đồng; Tiền điện chiếu sáng công cộng: 12 tỷ đồng; Tiền vệ sinh đô thị: 10 tỷ đồng; Sên vét mương, cống thoát nước: 12 tỷ đồng; Chăm sóc cây xanh: 14 tỷ đồng; Sửa chữa, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng: 10 tỷ.*

*Như vậy, năm 2019 thành phố hụt nguồn 37,83 tỷ đồng.*

** Năm 2020:*

*+ Tổng nguồn là 74,85 tỷ đồng, bao gồm: dự toán được phân bổ 5% cấp thành phố: 16,8 tỷ đồng, đô thị loại 2: 46,5 tỷ đồng, được phân bổ thêm 11,55 tỷ đồng.*

*+ Tổng nhu cầu là 97 tỷ đồng, bao gồm: Duy tu, sửa chữa lộ, vỉa hè,...: 30 tỷ đồng; Tiền điện chiếu sáng công cộng: 12 tỷ đồng; Tiền vệ sinh đô thị: 12 tỷ đồng; Sên vét mương, cống thoát nước: 16 tỷ đồng; Chăm sóc cây xanh: 15 tỷ đồng; Sửa chữa, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng: 12 tỷ.*

*Như vậy năm 2020 thành phố hụt nguồn 22,15 tỷ đồng.*

** Năm 2021:*

*+ Tổng nguồn là 44,6 tỷ đồng, bao gồm: dự toán được phân bổ 5% cấp thành phố: 16,8 tỷ đồng, đô thị loại 2: 46,5 tỷ đồng, giảm trừ -18,7 tỷ đồng.*

*+ Tổng nhu cầu là 103 tỷ đồng, bao gồm: Duy tu, sửa chữa lộ, vỉa hè,...: 30 tỷ đồng; Tiền điện chiếu sáng công cộng: 12 tỷ đồng; Tiền vệ sinh đô thị: 15 tỷ đồng; Sên vét mương, cống thoát nước: 18 tỷ đồng; Chăm sóc cây xanh: 16 tỷ đồng; Sửa chữa, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng: 12 tỷ.*

*Như vậy năm 2021 thành phố hụt nguồn 58,4 tỷ đồng.*

*Nói chung, hằng năm nguồn chi sự nghiệp kinh tế của thành phố bị thiếu nên thành phố phải giảm trừ dự toán chuyển sang năm sau, mặt khác thành phố phải tạm dừng triển khai các công trình do thiếu nguồn dẫn đến hạ tầng đô thị những năm qua không đảm bảo, còn xảy ra tình trạng ngập nước khi mùa mưa, các vỉa hè trong nội ô bị hư nhiều do không có nguồn để sửa chữa,...; Công tác sên vét nương cống thoát nước, chăm sóc cây xanh, quét rác vệ sinh môi trường, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hàng năm phải giảm khối lượng do thiếu nguồn kinh phí.*

- Tại khoản 2, 3 Điều 9 của Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường phân bổ theo loại huyện, loại xã hiện nay chưa phù hợp, do đặc thù của xã có chợ và không có chợ.

## II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hàng năm, khi giao dự toán thu NSNN cho thành phố cần xác với khả năng nguồn lực của thành phố.

- Xem xét lại định mức phân bổ ngân sách hành năm cho thành phố đối với các sự nghiệp như: Nguồn kinh phí chi cho các sự nghiệp Văn hóa - Thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, sự nghiệp truyền thanh, chi sự nghiệp môi trường đối với các xã có chợ; chi quản lý hành chính; kinh phí chi cho công tác huấn luyện dân quân hàng năm theo chỉ tiêu huấn luyện của UBND tỉnh và kinh phí chi phụ cấp cho lực lượng Ban Bảo vệ dân phố. Riêng phân bổ định mức chi sự nghiệp kinh tế cấp huyện, cấp xã bằng 10% chi thường xuyên.

Trên đây là báo cáo về việc điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập./.

***Nơi nhận:***
- Như trên (iO);
- Đoàn giám sát;
- CT, các PCT UBND TP;
- Phòng TC-KH TP;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CVKT (H);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU T. CÀ MAU

Bùi Tử Hải

**Phụ biểu số 01**

# BẢNG TỔNG HỢP

**Kết quả phân bổ kinh phí sự nghiệp (năm 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021)**

*(Kèm theo Báo cáo số 735 /BC-UBND ngày 18 /10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Kinh phí được giao | | | | So sánh năm trước (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Trong đó: | | | | |
| | | | Kinh phí phân bổ đầu năm | Kinh phí bổ sung trong năm | Kinh phí năm trước chuyển sang | | |
| **A** | **Cấp tỉnh** | **1.445.483** | **1.279.042** | **166.441** | **0** | | |
| **I** | **Năm 2019** | **448.561** | **399.844** | **48.717** | **0** | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 307.224 | 304.914 | 2.310 | | | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 700 | 700 | | | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 0 | 0 | | | | |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 2.624 | 2.624 | | | | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 1.731 | 1.731 | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 1.374 | 1.374 | | | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 27.193 | 27.193 | | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 107.715 | 61.308 | 46.407 | | | |
| **II** | **Năm 2020** | **497.370** | **440.253** | **57.117** | **0** | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 319.415 | 319.191 | 224 | | | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 700 | 700 | | | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 0 | 0 | | | | |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 3.194 | 3.194 | | | | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 1.990 | 1.990 | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 1.483 | 1.483 | | | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 27.193 | 27.193 | | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 143.395 | 86.502 | 56.893 | | | |
| **III** | **6 tháng đầu năm 2021** | **499.552** | **438.945** | **60.607** | **0** | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 333.477 | 332.832 | 645 | | | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 700 | 700 | | | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 13.399 | 13.399 | | | | |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 6.965 | 3.194 | 3.771 | | | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 1.991 | 1.991 | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 1.484 | 1.484 | | | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 27.193 | 27.193 | | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 114.343 | 58.152 | **56.191** | | | |
| **B** | **Thành phố Cà Mau** | **1.547.023** | **1.231.838** | **302.241** | **12.944** | | |
| **I** | **Năm 2019** | **487.356** | **396.474** | **88.745** | **2.137** | | |
| **1** | **Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề** | **306.551** | **302.696** | **3.506** | **349** | | |
| | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 297.581 | 293.726 | 3.506 | 349 | | |
| | Phòng Nội vụ | 1.000 | 1.000 | | | | |
| | Trung tâm GDNN | 5.840 | 5.840 | | | | |
| | Trung tâm BDCT | 2.130 | 2.130 | | | | |
| **2** | **Chi khoa học và công nghệ** | **700** | **700** | **0** | **0** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 700 | 700 | | | | |
| **3** | **Chi y tế, dân số và gia đình** | **106** | **0** | **106** | **0** | | |
| | Trung Tâm y tế | 87 | | 87 | | | |
| | Trung tâm DS-KHHGĐ | 19 | | 19 | | | |
| **4** | **Chi văn hóa thông tin** | **9.867** | **5.467** | **4.400** | **0** | | |
| | Phòng VHTT | 7.551 | 4.000 | 3.551 | | | |
| | TT TD-TT | 2.316 | 1.467 | 849 | | | |
| **5** | **Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn** | **2.315** | **1.668** | **647** | **0** | | |
| | Đài truyền thanh | 2.315 | 1.668 | 647 | | | |
| **6** | **Chi thể dục thể thao** | **1.637** | **1.000** | **637** | **0** | | |
| | Phòng VHTT | 218 | | 218 | | | |
| | TT TD-TT | 1.419 | 1.000 | 419 | | | |
| **7** | **Chi bảo vệ môi trường** | **26.323** | **26.323** | **0** | **0** | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phòng TNMT | 4.281 | 4.281 | | | | |
| | Công ty TNHH Công Lý | 22.042 | 22.042 | | | | |
| **8** | **Chi các hoạt động kinh tế** | **139.857** | **58.620** | **79.449** | **1.788** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 14.295 | 948 | 11.563 | 1.784 | | |
| | Phòng Quản lý đô thị | 81.303 | 21.489 | 59.810 | 4 | | |
| | Điện lực TPCM | 10.079 | 8.620 | 1.459 | | | |
| | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 30.657 | 24.040 | 6.617 | | | |
| | Các quan hệ khác NS | 3.523 | 3.523 | | | | |
| **II** | **Năm 2020** | **492.799** | **417.782** | **68.508** | **6.509** | | |
| **1** | **Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề** | **323.291** | **313.326** | **4.211** | **5.754** | | |
| | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 313.854 | 304.464 | 3.636 | 5.754 | | |
| | Phòng Nội vụ | 1.200 | 1.200 | | | | |
| | Trung tâm GDNN | 3.551 | 2.976 | 575 | | | |
| | Trung tâm BDCT | 2.267 | 2.267 | | | | |
| | Các quan hệ khác NS | 2.419 | 2.419 | | | | |
| **2** | **Chi khoa học và công nghệ** | **630** | **630** | **0** | **0** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 630 | 630 | | | | |
| **3** | **Chi y tế, dân số và gia đình** | **325** | **0** | **325** | **0** | | |
| | Trung Tâm y tế | 325 | | 325 | | | |
| **4** | **Chi văn hóa thông tin** | **8.973** | **4.888** | **4.085** | **0** | | |
| | Phòng VHTT | 7.829 | 4.162 | 3.667 | | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 1.160 | 726 | 418 | 16 | | |
| **5** | **Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn** | **1.602** | **1.557** | **45** | **0** | | |
| | Đài truyền thanh | 789 | 789 | | | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 813 | 768 | 45 | | | |
| **6** | **Chi thể dục thể thao** | **1.294** | **1.173** | **89** | **32** | | |
| | Phòng VHTT | 633 | 601 | | **32** | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 661 | 572 | 89 | | | |
| **7** | **Chi bảo vệ môi trường** | **29.052** | **26.119** | **2.933** | **0** | | |
| | Phòng TNMT | 7.010 | 4.077 | 2.933 | | | |
| | Công ty TNHH Công Lý | 22.042 | 22.042 | | | | |
| **8** | **Chi các hoạt động kinh tế** | **127.632** | **70.089** | **56.820** | **723** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 11.364 | 988 | 10.254 | 122 | | |
| | Phòng Quản lý đô thị | 62.353 | 22.066 | 39.686 | 601 | | |
| | Điện lực TPCM | 11.071 | 9.570 | 1.501 | | | |
| | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 24.545 | 34.030 | -9.485 | | | |
| | Các Cty khác | 17.458 | 3.435 | 14.023 | | | |
| | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng | 841 | | 841 | | | |
| **II** | **6 tháng đầu năm 2021** | **566.868** | **417.582** | **144.988** | **4.298** | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | **341.983** | **337.637** | **54** | **4.292** | | |
| | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 335.194 | 330.848 | **54** | **4.292** | | |
| | Phòng Nội vụ | 1.200 | 1.200 | | | | |
| | Trung tâm GDNN | 2.977 | 2.977 | | | | |
| | Trung tâm BDCT | 2.612 | 2.612 | | | | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | **630** | **630** | **0** | **0** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 630 | 630 | | | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | **290** | **0** | **290** | **0** | | |
| | Trung Tâm y tế | 290 | | **290** | | | |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | **6.055** | **1.973** | **4.076** | **6** | | |
| | Phòng VHTT | 3.777 | | 3.771 | 6 | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 2.278 | 1.973 | 305 | | | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | **1.479** | **1.479** | **0** | **0** | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 1.479 | 1.479 | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | **1.538** | **1.127** | **411** | **0** | | |
| | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 1.538 | 1.127 | 411 | | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | **57.349** | **26.378** | **30.971** | **0** | | |
| | Phòng TNMT | 4.336 | 4.336 | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Công ty TNHH Công Lý | 53.013 | 22.042 | 30.971 | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | **157.544** | **48.358** | **109.186** | **0** | | |
| | Phòng Kinh Tế | 7.740 | 1.112 | **6.628** | | | |
| | Phòng Quản lý đô thị | 79.408 | 2.386 | 77.022 | | | |
| | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng | 25.536 | | 25.536 | | | |
| | Điện lực TPCM | 9.720 | 9.720 | | | | |
| | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 20.537 | 28.080 | -7.543 | | | |
| | Các Cty khác | 14.603 | 7.060 | 7.543 | | | |

Phụ biểu số 02

# BẢNG TỔNG HỢP

## Kết quả thực hiện kinh phí sự nghiệp (năm 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021)

*(Kèm theo Báo cáo số 735 /BC-UBND ngày 18 /10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Kinh phí được giao | Kết quả thực hiện các khoản chi | | | | | | | | | | | | | Chênh lệch thu chi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | | | Trong đó | | | | | |
| | | | | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | Chi khoa học và công nghệ | Chi y tế, dân số và gia đình | Chi văn hóa thông tin | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | Chi thể dục thể thao | Chi bảo vệ môi trường | Chi các hoạt động kinh tế | Chi giao thông | Chi NN, LN, TL, TS | Chi công tác đô thị | Chi hoạt động kinh tế khác | | |
| **A** | **Cấp tỉnh** | **1.445.483** | **1.445.483** | **960.116** | **2.100** | **13.399** | **12.783** | **5.712** | **4.341** | **81.579** | **365.453** | | | | | 0 | |
| I | Năm 2019 | 448.561 | 448.561 | 307.224 | 700 | | 2.624 | 1.731 | 1.374 | 27.193 | 107.715 | | | | | 0 | |
| II | Năm 2020 | 497.370 | 497.370 | 319.415 | 700 | | 3.194 | 1.990 | 1.483 | 27.193 | 143.395 | | | | | 0 | |
| III | 6 tháng đầu năm 2021 | 499.552 | 499.552 | 333.477 | 700 | 13.399 | 6.965 | 1.991 | 1.484 | 27.193 | 114.343 | | | | | 0 | |
| **B** | **Thành phố Cà Mau** | **1.547.039** | **1.215.080** | **768.342** | **1.009** | **721** | **23.642** | **4.567** | **3.761** | **69.271** | **343.767** | **262.835** | **32.130** | **248.761** | **14.529** | 331.959 | |
| **I** | **Năm 2019** | **487.356** | **453.908** | **299.991** | **390** | **106** | **9.867** | **2.315** | **1.637** | **12.358** | **127.244** | 70.416 | 12.484 | 39.693 | 4.651 | 33.448 | |
| 1 | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 297.581 | 291.827 | 291.827 | | | | | | | **0** | | | | | 5.754 | |
| 2 | Phòng Nội vụ | 1.000 | 369 | 369 | | | | | | | **0** | | | | | 631 | |
| 3 | Trung tâm GDNN | 5.840 | 5.761 | 5.761 | | | | | | | **0** | | | | | 79 | |
| 4 | Trung tâm BDCT | 2.130 | 2.034 | 2.034 | | | | | | | **0** | | | | | 96 | |
| 5 | Phòng Kinh Tế | 14.995 | 14.476 | | 390 | | | | | | **14.086** | | 12.484 | | 1.602 | 519 | |
| 6 | Trung Tâm y tế | 87 | 87 | | | 87 | | | | | **0** | | | | | 0 | |
| 7 | Trung tâm DS-KHHGĐ | 19 | 19 | | | 19 | | | | | | | | | | 0 | |
| 8 | Phòng VHTT | 7.769 | 7.769 | | | | **7.551** | | **218** | | **0** | | | | | 0 | |
| 9 | TT TD-TT | 3.735 | 3.735 | | | | **2.316** | | **1.419** | | | | | | | 0 | |
| 10 | Đài truyền thanh | 2.315 | 2.315 | | | | | **2.315** | | | **0** | | | | | 0 | |
| 11 | Phòng TNMT | 4.281 | 3.053 | | | | | | | **3.053** | **0** | | | | | 1.228 | |
| 12 | Phòng Quản lý đô thị | 81.303 | 73.465 | | | | | | | | **73.465** | 70.416 | | | 3.049 | 7.838 | |
| 13 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng | | 0 | | | | | | | | **0** | | | | | 0 | |
| 14 | Điện lực TPCM | 10.079 | 10.079 | | | | | | | | **10.079** | | | 10.079 | | 0 | |
| 15 | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 30.657 | 30.657 | | | | | | | 4.079 | **26.578** | | | 26.578 | | 0 | |
| 16 | Công ty TNHH Công Lý | 22.042 | 5.226 | | | | | | | 5.226 | | | | | | 16.816 | |
| 17 | Các Cty khác | 3.523 | 3.036 | | | | | | | | **3.036** | | | 3.036 | | 487 | |
| **II** | **Năm 2020** | **492.815** | **441.383** | **315.819** | **545** | **325** | **8.983** | **1.602** | **1.262** | **3.568** | **109.279** | 141.410 | 16.436 | 157.070 | 8.851 | 51.432 | |
| 1 | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 313.854 | 309.563 | 309.563 | | | | | | | **0** | | | | | 4.291 | |
| 2 | Phòng Nội vụ | 1.200 | 583 | 583 | | | | | | | **0** | | | | | 617 | |
| 3 | Trung tâm GDNN | 3.551 | 3.551 | 3.551 | | | | | | | **0** | | | | | 0 | |
| 4 | Trung tâm BDCT | 2.267 | 2.122 | 2.122 | | | | | | | **0** | | | | | 145 | |
| 5 | Các quan hệ khác NS | 2.419 | | | | | | | | | | | | | | 2.419 | |
| 6 | Phòng Kinh Tế | 11.994 | 11.493 | | 545 | | | | | | **10.948** | | 10.016 | | 932 | 501 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Trung Tâm y tế | 325 | 325 | | | 325 | | | | | 0 | | | | | 0 | |
| 8 | Phòng VHTT | 8.462 | 8.456 | | | | 7.823 | | 633 | | 0 | | | | | 6 | |
| 9 | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 2.634 | 2.602 | | | | 1.160 | 813 | 629 | | 0 | | | | | 32 | |
| 10 | Đài truyền thanh | 789 | 789 | | | | | 789 | | | 0 | | | | | 0 | |
| 11 | Phòng TNMT | 7.010 | 6.501 | | | | | | | 3.568 | 2.933 | | | | 2.933 | 509 | |
| 12 | Công ty TNHH Công Lý | 22.042 | 0 | | | | | | | | | | | | | 22.042 | |
| 13 | Phòng Quản lý đô thị | 62.353 | 41.483 | | | | | | | | 41.483 | 38.551 | | | 2.932 | 20.870 | |
| 14 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng | 841 | 841 | | | | | | | | 841 | 841 | | | | 0 | |
| 15 | Điện lực TPCM | 11.071 | 11.071 | | | | | | | | 11.071 | | | 11.071 | | 0 | |
| 16 | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 24.545 | 24.545 | | | | | | | | 24.545 | | | 24.545 | | 0 | |
| 17 | Các Cty khác | 17.458 | 17.458 | | | | | | | | 17.458 | | | 17.458 | | 0 | |
| **III** | **Năm 2021** | **566.868** | **319.789** | **152.532** | **74** | **290** | **4.792** | **650** | **862** | **53.345** | **107.244** | 51.009 | 3.210 | 51.998 | 1.027 | 247.079 | |
| 1 | Phòng Giáo Dục và Đào Tạo | 335.194 | 150.578 | 150.578 | | | | | | | 0 | | | | | 184.616 | |
| 2 | Phòng Nội vụ | 1.200 | 81 | 81 | | | | | | | 0 | | | | | 1.119 | |
| 3 | Trung tâm GDNN | 2.977 | 1.286 | 1.286 | | | | | | | 0 | | | | | 1.691 | |
| 4 | Trung tâm BDCT | 2.612 | 587 | 587 | | | | | | | 0 | | | | | 2.025 | |
| 5 | Phòng Kinh Tế | 8.370 | 4.311 | | 74 | | | | | | 4.237 | | 3.210 | | 1.027 | 4.059 | |
| 6 | Trung Tâm y tế | 290 | 290 | | | 290 | | | | | 0 | | | | | 0 | |
| 7 | Phòng VHTT | 3.777 | 3.541 | | | | 3.541 | | | | 0 | | | | | 236 | |
| 8 | Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao | 5.295 | 2.763 | | | | 1.251 | 650 | 862 | | 0 | | | | | 2.532 | |
| 9 | Phòng TNMT | 4.336 | 332 | | | | | | | 332 | 0 | | | | | 4.004 | |
| 10 | Công ty TNHH Công Lý | 53.013 | 53.013 | | | | | | | 53.013 | | | | | | 0 | |
| 11 | Phòng Quản lý đô thị | 79.408 | 56.293 | | | | | | | | 56.293 | 31.015 | | 25.278 | | 23.115 | |
| 12 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng | 25.536 | 19.994 | | | | | | | | 19.994 | 19.994 | | | | 5.542 | |
| 13 | Điện lực TPCM | 9.720 | 5.380 | | | | | | | | 5.380 | | | 5.380 | | 4.340 | |
| 14 | Công ty Môi trường đô thị Cà Mau | 20.537 | 6.737 | | | | | | | | 6.737 | | | 6.737 | | 13.800 | |
| 15 | Các Cty khác | 14.603 | 14.603 | | | | | | | | 14.603 | | | 14.603 | | 0 | |